

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

Số: 187 CV/VNECO8
(V/v: Công bố thông tin
Báo cáo tài chính năm 2023)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đăk Lăk, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 thực hiện công bố thông tin BCTC năm 2023 với UBCKNN và SGDCCK Hà Nội như sau:

1. Tên công ty: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8

- Mã chứng khoán: VE8
- Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đăk Lăk
- Điện Thoại: (02623)815336 Fax: (02623)858921
- Địa chỉ Website: <http://vneco8.com.vn>

2. BCTC năm 2023

- BCTC năm 2023.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không



3. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2023 đến thời điểm này nếu có): Không có

- Nội dung giao dịch:
- Đối tác giao dịch:
- Tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên BCTC năm gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính năm 2023.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT.

**CÔNG TY CP XD ĐIỆN VNECO 8
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



Nguyễn Hữu Đăng



CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 38

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Khôi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Diệu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hóa	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bích Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Bái	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Công Diệu	Giám đốc
Ông Đỗ Chiến Thắng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2024)
Ông Đặng Phương	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2024)
Ông Phan Thanh Hoàng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/03/2024)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lê Văn Khôi, Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Công Diệu, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CAM KẾT CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 số tiền 17.433.166.939 VND và có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 4.213.773.409 VND. Đồng thời, Công ty có các khoản phải trả bảo hiểm, khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 2.842.888.673 VND, 64.578.136.701 VND và 3.426.269.398 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi, sự hỗ trợ giãn nợ của các chủ nợ và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Nguyễn Công Diệu
Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Số: 271/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 04 năm 2024 từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại mục 4.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2023 Công ty có công nợ phải thu khách hàng là Công ty TNHH Ecoplastics Solutions số tiền 18.595.771.229 VND đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng theo điều khoản của hợp đồng nhưng Công ty chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với công nợ nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị có thể thu hồi của công nợ nêu trên, do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh các số liệu liên quan trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 số tiền 17.433.166.939 VND (chưa bao gồm nội dung đã được chúng tôi ngoại trừ nêu trên) và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 4.213.773.409 VND. Đồng thời, theo Thuyết minh số 4.16 và 4.17, Công ty có các khoản phải trả bảo hiểm, khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 2.842.888.673 VND, 64.578.136.701 VND và 3.426.269.398 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2023-240-1

Nguyễn Thanh Lam
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4231-2023-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.101.594.855	193.295.083.203
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		738.147.886	4.980.064.544
1. Tiền	111	4.1	738.147.886	4.980.064.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.527.784.190	11.527.784.190
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	11.527.784.190	11.527.784.190
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.456.171.126	135.075.502.840
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	24.038.953.062	115.273.095.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	14.967.645.561	15.175.043.220
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	5.811.681.712	5.989.473.597
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.8	(1.362.109.209)	(1.362.109.209)
IV. Hàng tồn kho	140		44.276.248.439	41.690.867.440
1. Hàng tồn kho	141	4.6	44.276.248.439	41.690.867.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		103.243.214	20.864.189
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	6.407.200	17.853.253
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.836.014	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	-	3.010.936
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.759.100.726	7.693.150.885
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.452.193.727	6.871.198.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	4.194.716.727	5.613.721.352
Nguyên giá	222		25.977.115.792	25.977.115.792
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.782.399.065)	(20.363.394.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	1.257.477.000	1.257.477.000
Nguyên giá	228		1.287.477.000	1.287.477.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		82.045.872	82.045.872
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	82.045.872	82.045.872
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		224.861.127	739.906.661
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	224.861.127	739.906.661
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		105.860.695.581	200.988.234.088

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.783.906.394	188.069.290.246
I. Nợ ngắn hạn	310		104.315.368.264	187.049.664.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	9.719.320.438	75.884.055.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	7.967.154.375	11.666.261.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	234.882.726	353.062.382
4. Phải trả người lao động	314		2.190.147.367	2.714.416.493
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	303.529.779	363.581.098
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	11.373.729.040	18.715.489.199
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	72.525.306.325	77.351.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.298.214	1.298.214
II. Nợ dài hạn	330		468.538.130	1.019.626.099
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	468.538.130	987.626.099
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	-	32.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.076.789.187	12.918.943.842
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	1.076.789.187	12.918.943.842
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		509.956.126	509.956.126
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.433.166.939)	(5.591.012.284)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(5.591.012.284)	1.193.147.941
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.842.154.655)	(6.784.160.225)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		105.860.695.581	200.988.234.088



Nguyễn Công Diệu
Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Hữu Đăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đăng
Người lập biểu

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	33.926.987.969	239.413.230.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.926.987.969	239.413.230.753
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	36.484.019.168	235.864.291.407
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.557.031.199)	3.548.939.346
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	584.577.810	353.491.660
7. Chi phí tài chính	22	5.4	7.077.877.136	5.682.097.936
Trong đó, chi phí lãi vay	23		7.077.877.136	5.682.097.936
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	-	16.199.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	2.725.006.830	4.426.925.331
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.775.337.355)	(6.222.791.662)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.7	66.817.300	412.150.305
13. Lợi nhuận khác	40		(66.817.300)	(412.150.305)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.842.154.655)	(6.634.941.967)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	-	149.218.258
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.842.154.655)	(6.784.160.225)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	(6.579)	(3.769)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	(6.579)	(3.769)



Nguyễn Công Diệu

Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Hữu Đăng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đăng

Người lập biểu

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		113.504.292.364	239.912.754.466
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(101.493.171.022)	(236.596.836.829)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.685.434.292)	(8.017.952.599)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.497.529.622)	(5.481.961.563)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(956.745.787)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.016.812.102	13.277.252.874
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.834.435.281)	(2.429.697.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.534.249	(293.187.337)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		605.742.768	433.568.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		605.742.768	433.568.686
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	51.470.000.000	137.222.646.931
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(56.328.193.675)	(135.443.907.013)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.858.193.675)	1.778.739.918
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(4.241.916.658)	1.919.121.267
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.980.064.544	3.060.943.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		738.147.886	4.980.064.544



Nguyễn Công Diệu

Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Hữu Đăng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đăng

Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây lắp điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.8 theo Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 từ ngày 19/01/2006 theo Quyết định số 60-QĐ/XLĐ3.8-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.8. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4003000031 ngày 19 tháng 11 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 04 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 6000442866.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 258/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 07 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VE8. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán VE8 là ngày 24 tháng 07 năm 2012 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu ngày 24/07/2012).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 18.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 32 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 62).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình điện
Chi tiết: Xây dựng công trình điện, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
Chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực, các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Bán buôn xi măng: gạch xây, ngói, đá, cát sỏi; gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; Hàng trang trí nội – ngoại thất.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Khu công nghiệp Tâm Thắng, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 số tiền 17.433.166.939 VND và có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.213.773.409 VND. Đồng thời, Công ty có các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản phải trả bảo hiểm là 2.842.888.673 VND, số dư gốc vay là 64.578.136.701 VND và lãi vay là 3.426.269.398 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc hoạt động kinh doanh có lãi, việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư và việc hỗ trợ giảm nợ của các chủ nợ trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ và các chủ nợ sẽ không dẫn nợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2023</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 16 năm
▪ Máy móc, thiết bị	5 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được trình bày theo phương pháp giá gốc là giá trị quyền sử dụng đất tại số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả là chi phí lãi vay được ước tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính dựa trên gốc vay và lãi suất vay.

Chi phí phải trả cho các công trình là chi phí nhân công, vật liệu, máy thi công được ước tính dựa trên phiếu giá thanh toán từng dự án hạng mục của Công ty và nhà thầu xây lắp hoặc đơn vị thi công.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.15 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí đóng gói, vận chuyển và các chi phí mua ngoài khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với các hàng hóa dịch vụ kể từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	11.201.789	346.458.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	726.946.097	4.633.605.589
Cộng	738.147.886	4.980.064.544

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190
Cộng	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190	11.527.784.190

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 theo 6 Hợp đồng Tiền gửi có kỳ hạn:

- Hợp đồng số 908/2021/7709 ngày 23/03/2021 với số tiền 777.784.190 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 23/09/2023 đến ngày 23/03/2024) và lãi suất 4,3 %/năm;
- Hợp đồng số 908/2021/8542 ngày 30/03/2021 với số tiền 2.200.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 30/09/2024 đến ngày 30/03/2024) và lãi suất 4,3 %/năm.
- Hợp đồng số 908/2021/10076 ngày 12/04/2021 với số tiền 1.000.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/04/2024) và lãi suất 4,2%/năm.
- Hợp đồng số 908/2021/16250 ngày 31/05/2021 với số tiền 5.000.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 30/11/2023 đến ngày 31/05/2024) và lãi suất 4%/năm.
- Hợp đồng số 908/2021/16795 ngày 04/06/2021 với số tiền 750.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 04/12/2023 đến ngày 04/06/2024) và lãi suất 4%/năm.
- Hợp đồng số 908/2021/17414 ngày 10/06/2021 với số tiền 1.800.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng (từ ngày 10/12/2023 đến ngày 10/06/2024) và lãi suất 4 %/năm.

Tổng giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng cầm cố, thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 11.527.784.190 VND.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty CP SX - KD Thép Thăng Lợi	-	52.607.396.424
Công ty Cổ phần dịch vụ Đầu tư Cát Tường	-	18.252.839.513
Công ty TNHH ECOPLASTICS SOLUTIONS	18.595.771.229	26.595.771.229
Khách hàng khác	5.443.181.833	17.817.088.066
Cộng	24.038.953.062	115.273.095.232
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	23.760.000	23.760.000

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Sao Thái Sơn	12.924.613.022	12.924.613.022
Công ty TNHH Xây dựng điện miền Tây Cao Bằng	814.922.349	814.922.349
Các đối tượng khác	1.228.110.190	1.435.507.849
Cộng	14.967.645.561	15.175.043.220

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	21.164.958	-
Tạm ứng	5.557.880.289	-	5.749.683.639	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ 220KV Phan Thiết - Phú Mỹ 2	53.356.000	-	53.356.000	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ 220KV Duyên Hải - Mỹ Tho	49.867.200	-	49.867.200	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ Trạm biến áp 500 KV Đức Hòa	100.000.000	-	100.000.000	-
Tiền đền bù Công trình ĐZ110kV Krong buk - Buôn Ma Thuột	15.401.800	-	15.401.800	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	35.176.423	-	-	-
Cộng	5.811.681.712	-	5.989.473.597	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	35.176.423	-	-	-

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.307.614.812	-	2.466.024.697	-
Công cụ dụng cụ	67.200.000	-	67.200.000	-
Chi phí SXKD dở dang	40.136.539.540	-	36.927.230.449	-
- Chi phí SXKD dở dang công trình xây dựng	40.136.539.540	-	36.927.230.449	-
Thành phẩm	1.764.894.087	-	2.230.412.294	-
Cộng	44.276.248.439	-	41.690.867.440	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Phí bảo hiểm xe	6.407.200	17.853.253
Cộng	6.407.200	17.853.253
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	39.945.019	410.077.579
Lãi mua hàng trả chậm	113.289.474	245.208.007
Chi phí sửa chữa TSCĐ	71.626.634	84.621.075
Cộng	224.861.127	739.906.661

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.362.109.209	-	1.362.109.209	-
Cộng	1.362.109.209	-	1.362.109.209	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	372.167.609	-	Trên 3 năm	372.167.609	-	Trên 3 năm
Công ty CP Vận tải Vạn Xuân	979.941.600	-	Trên 3 năm	979.941.600	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV XD điện 3.5 Quảng Trị	10.000.000	-	Trên 3 năm	10.000.000	-	Trên 3 năm
Cộng	1.362.109.209	-		1.362.109.209	-	

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đèo Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	9.798.041.850	10.336.819.580	5.784.163.452	58.090.910	25.977.115.792
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	9.798.041.850	10.336.819.580	5.784.163.452	58.090.910	25.977.115.792
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	8.492.896.410	7.844.594.447	3.967.812.673	58.090.910	20.363.394.440
Khấu hao trong năm	425.988.416	376.263.557	616.752.652	-	1.419.004.625
Tại ngày 31/12/2023	8.918.884.826	8.220.858.004	4.584.565.325	58.090.910	21.782.399.065
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	1.305.145.440	2.492.225.133	1.816.350.779	-	5.613.721.352
Tại ngày 31/12/2023	879.157.024	2.115.961.576	1.199.598.127	-	4.194.716.727

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.687.456.073 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.900.434.830 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	1.257.477.000	30.000.000	1.287.477.000
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	1.257.477.000	30.000.000	1.287.477.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	30.000.000	30.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.257.477.000	-	1.257.477.000
Tại ngày 31/12/2023	1.257.477.000	-	1.257.477.000

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.257.477.000 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 30.000.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất tại số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số 276134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Xây dựng, cải tạo các công trình tại số 09 Võ Văn Kiệt	82.045.872	82.045.872
Cộng	82.045.872	82.045.872

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH 15-8	1.615.109.601	1.615.109.601	-	-
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	897.414.760	897.414.760	571.398.850	571.398.850
Công ty TNHH Gia Phát Quy Nhơn	937.199.986	937.199.986	521.922.274	521.922.274
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	-	-	67.997.666.433	67.997.666.433
Các đối tượng khác	6.269.596.091	6.269.596.091	6.793.067.493	6.793.067.493
Cộng	9.719.320.438	9.719.320.438	75.884.055.050	75.884.055.050
Dài hạn				
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	468.538.130	468.538.130	987.626.099	987.626.099
Cộng	468.538.130	468.538.130	987.626.099	987.626.099
Trong đó: Phải trả các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.988.317.180	1.988.317.180	1.610.059.924	1.610.059.924

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam	2.974.548.795	2.204.966.712
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	365.518.892	4.773.967.836
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	1.500.000.000	1.500.000.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.691.092.723	1.696.140.892
Điện lực Đắk Lắk	487.127.458	1.307.012.020
Các đối tượng khác	948.866.507	184.174.251
Cộng	7.967.154.375	11.666.261.711
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	2.974.548.795	2.204.966.712

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023	Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	VND		VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	4.202.452	3.154.963.275	3.396.835.088	-	246.074.265
Thuế thu nhập cá nhân	41.458.614	-	-	-	41.458.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.707.885	-	-	-	46.707.885
Tiền thuê đất	123.692.157	247.384.341	120.681.248	3.010.936	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	18.821.618	2.648.943	2.648.943	-	18.821.618
Cộng	234.882.726	3.408.996.559	3.524.165.279	3.010.936	353.062.382

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	115.492.096	93.332.513
Chi phí thuê đất	187.090.921	270.248.585
Chi phí phải trả khác	946.762	-
Cộng	303.529.779	363.581.098

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
BH y tế, BH xã hội, BH thất nghiệp (*)	2.842.888.673	1.840.322.650
Kinh phí, Đoàn phí công đoàn	179.673.471	116.619.469
Thủ lao HĐQT, BKS, thư ký Công ty	-	109.800.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.351.025	2.351.025
Phải trả về tạm ứng	3.157.445.199	3.171.105.432
<i>Đoàn Ngọc</i>	482.179.728	444.469.276
<i>Lê Ngọc Thanh</i>	462.783.977	592.783.977
<i>Võ Hữu Tâm</i>	434.215.443	342.819.759
<i>Thái Doãn Tiến</i>	221.044.720	372.544.720
<i>Các đối tượng khác</i>	1.557.221.331	1.418.487.700
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.679.626.774	1.110.539.925
Công ty Cổ phần MALBLUE	-	12.330.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	3.426.269.398	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	85.474.500	34.750.698
Cộng	11.373.729.040	18.715.489.199
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.679.626.774	13.468.465.623

(*) Các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp này đã quá hạn thanh toán theo Thông báo của Bảo hiểm xã hội.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	72.483.169.624	72.483.169.624	51.470.000.000	56.210.330.376	77.223.500.000	77.223.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.568.000.000	24.568.000.000	7.150.000.000	9.032.000.000	26.450.000.000	26.450.000.000
Vay cá nhân	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần MALBLUE	6.931.500.000	6.931.500.000	4.320.000.000	2.462.000.000	5.073.500.000	5.073.500.000
	983.669.624	983.669.624	-	4.716.330.376	5.700.000.000	5.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	42.136.701	42.136.701	32.000.000	117.863.299	128.000.000	128.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	42.136.701	42.136.701	32.000.000	117.863.299	128.000.000	128.000.000
Cộng	72.525.306.325	72.525.306.325	51.502.000.000	56.328.193.675	77.351.500.000	77.351.500.000
Vay dài hạn	-	-	-	32.000.000	32.000.000	32.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	32.000.000	32.000.000	32.000.000
Cộng	-	-	-	32.000.000	32.000.000	32.000.000

Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Công ty Cổ phần MALBLUE	983.669.624	5.700.000.000
Cộng - Xem thêm mục 8	983.669.624	5.700.000.000

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	24.578.136.701	1.906.466.639	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	1.519.802.759	-	-
Cộng	64.578.136.701	3.426.269.398	-	-

Khoản nợ gốc vay và lãi vay phải trả của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã hết hạn và số dư còn lại sẽ phải thanh toán vào ngày 31/12/2023 lần lượt là 64.578.136.701 VND và 3.426.269.398 VND. Công ty chưa thể tái đàm phán hoặc đạt được thoả thuận tái chính thay thế.

Các khoản Vay ngắn hạn:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/717952/HĐTD ngày 31/05/2022 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk:
 - + Hạn mức: 60.000.000.000 VND, trong đó: hạn mức cho vay ngắn hạn là 30.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh, mở L/C là 30.000.000.000 VND;
 - + Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 31/05/2023;
 - + Mục đích: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh, mở L/C;
 - + Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 01/2018/717952/HĐDB ngày 05/06/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 02/06/2021.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HDCVHM/NHCT908-VNECO8 ngày 12/05/2022 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh:
 - + Hạn mức: 40.000.000.000 VND;
 - + Thời hạn cho vay: từ ngày 12/05/2022 đến ngày 12/05/2023;
 - + Mục đích: Tài trợ vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty;
 - + Lãi suất cho vay: ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Biện pháp đảm bảo: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng.

Các khoản Vay dài hạn:

- Hợp đồng số 01/2019/717952/HĐTD ngày 28/01/2019 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk, số tiền 945.000.000 VND. Mục đích vay: Mua xe ô tô tải có cần cầu Xe ô tô tải có cần cầu mới 100% nhãn hiệu MAZ. Thời hạn thanh toán là 60 tháng (đến hết ngày 28/01/2024). Lãi suất cho vay 10,5%/năm. Biện pháp đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 01/2019/717952/HĐDB ngày 28/01/2019 là tài sản mua sắm từ khoản vay.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Chi tiết các khoản vay cá nhân:

STT	Vay cá nhân	Số hợp đồng vay	Lãi suất / năm	Số dư tại ngày 31/12/2023	Mục đích vay
1	Biện Thị Tuyết	11/HĐVV/VE8 134/HĐVV/VE8	12% 0%	500.000.000 300.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh
2	Nguyễn Ngọc Hoàn	83/HĐVV-VE8	12%	200.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
3	Phạm Thị Vân	40/HĐVV-VE8 03/HĐVV-VE8 05/HĐVV-VE8 06/HĐVV-VE8 20/HĐVV-VE8 26/HĐVV-VE8 27/HĐVV-VE8 58/HĐVV-VE8 03/HĐVV-VE8 08/HĐVV-VE8	0% 0% 0% 0% 0% 0% 0% 0% 0% 0%	80.000.000 340.000.000 300.000.000 650.000.000 200.000.000 150.000.000 300.000.000 223.500.000 800.000.000 490.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh
4	Nguyễn Tuấn Anh	02/HĐVV/VE8	0%	480.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
5	Phan Thanh Hoàng	15/HĐVV/VE8	0%	939.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
6	Nguyễn Văn Lộc	04/HĐVV/VE8 10/HĐVV-VE8	12% 15%	300.000.000 250.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh Thu xếp vốn kinh doanh
7	Phan Đình Kim	11/HĐVV-VE8	0%	429.000.000	Thu xếp vốn kinh doanh
Tổng cộng				6.931.500.000	

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2022	18.000.000.000	509.956.126	1.193.147.941	19.703.104.067
Lỗ trong năm trước	-	-	(6.784.160.225)	(6.784.160.225)
Số dư tại ngày 01/01/2023	18.000.000.000	509.956.126	(5.591.012.284)	12.918.943.842
Lỗ trong năm nay	-	-	(11.842.154.655)	(11.842.154.655)
Số dư tại ngày 31/12/2023	18.000.000.000	509.956.126	(17.433.166.939)	1.076.789.187

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	10.068.090.000	10.068.090.000
Các cổ đông khác	7.931.910.000	7.931.910.000
Cộng	18.000.000.000	18.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(11.842.154.655)	(6.784.160.225)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(11.842.154.655)	(6.784.160.225)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.579)	(3.769)

4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(11.842.154.655)	(6.784.160.225)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/lỗ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(11.842.154.655)	(6.784.160.225)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.800.000	1.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(6.579)	(3.769)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 0237NQ/VNECO8-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty từ 18 tỷ đồng lên 36 tỷ đồng. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: phát hành riêng lẻ, trong đó ưu tiên cho cổ đông lớn là VNECO, một số đối tác, tổ chức. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa triển khai việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này.

4.18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	509.956.126
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	509.956.126

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu thương mại	17.783.055.791	193.128.704.776
Doanh thu bán thành phẩm	696.760.910	3.507.240.556
Doanh thu hợp đồng xây lắp	15.227.412.079	42.573.802.957
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	219.759.189	203.482.464
Cộng	33.926.987.969	239.413.230.753
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	2.086.726.969	10.266.726.019

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn thương mại	17.728.277.433	191.929.318.535
Giá vốn bán thành phẩm	1.060.840.730	2.829.256.093
Giá vốn hợp đồng xây lắp	17.560.833.350	40.912.594.564
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	134.067.655	193.122.215
Cộng	36.484.019.168	235.864.291.407

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	584.577.810	353.491.660
Cộng	584.577.810	353.491.660

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	7.077.877.136	5.682.097.936
Cộng	7.077.877.136	5.682.097.936

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	16.199.401
Cộng	-	16.199.401

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	2.118.393.579	2.747.498.863
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.255.832	56.601.852
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	49.818.660
Thuế, phí, lệ phí	142.162.763	10.877.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.776.022	309.708.280
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	499.970.800
Chi phí bằng tiền khác	232.418.634	752.449.556
Cộng	2.725.006.830	4.426.925.331

5.7. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền chậm nộp, phạt hành chính	66.817.300	257.768.467
Chi phí khác	-	154.381.838
Cộng	66.817.300	412.150.305

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(11.842.154.655)	(6.634.941.967)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	6.560.116.626	5.584.409.955
- Tiền chậm nộp, phạt hành chính	66.817.300	412.150.305
- Chi phí lãi vay không được trừ	6.493.299.326	5.130.259.650
- Thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách	-	42.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(5.282.038.029)	(1.050.532.012)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	149.218.258
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	149.218.258

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.711.019.778	29.488.051.925
Chi phí nhân công	5.135.678.869	10.078.250.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.419.004.625	1.555.340.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.647.175.469	11.349.171.538
Chi phí khác bằng tiền	1.311.660.708	1.942.447.138
Cộng	24.224.539.449	54.413.262.100

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	51.470.000.000	137.222.646.931
Cộng	51.470.000.000	137.222.646.931

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	56.328.193.675	135.443.907.013
Cộng	56.328.193.675	135.443.907.013

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động xây lắp;
- Hoạt động bán hàng;
- Hoạt động thương mại;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động bán hàng		Hoạt động cung cấp dịch vụ		Hoạt động thương mại		Tổng cộng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu										
Từ KH bên ngoài	15.227.412.079	42.573.802.957	696.760.910	3.507.240.556	219.759.189	203.482.464	17.783.055.791	193.128.704.776	33.926.987.969	239.413.230.753
Giữa các BP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	15.227.412.079	42.573.802.957	696.760.910	3.507.240.556	219.759.189	203.482.464	17.783.055.791	193.128.704.776	33.926.987.969	239.413.230.753
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Chi phí bỏ phân										
+ Giá vốn	17.560.833.350	40.912.594.564	1.060.840.730	2.829.256.093	134.067.655	193.122.215	17.728.277.433	191.929.318.535	36.484.019.168	235.864.291.407
Cộng	17.560.833.350	40.912.594.564	1.060.840.730	2.829.256.093	134.067.655	193.122.215	17.728.277.433	191.929.318.535	36.484.019.168	235.864.291.407
Lợi nhuận gộp BH và CCDV	(2.333.421.271)	1.661.208.393	(364.079.820)	677.984.463	85.691.534	10.360.249	54.778.358	1.199.386.241	(2.557.031.199)	3.548.939.346
Cộng	(2.333.421.271)	1.661.208.393	(364.079.820)	677.984.463	85.691.534	10.360.249	54.778.358	1.199.386.241	(2.557.031.199)	3.548.939.346
Doanh thu, Chi phí KPB										
+ Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	584.577.810	353.491.660
+ Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	7.077.877.136	5.682.097.936
+ Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.199.401
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	2.725.006.830	4.426.925.331
+ Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	66.817.300	412.150.305
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.842.154.655)	(6.634.941.967)
Thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	149.218.258
Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.842.154.655)	(6.784.160.225)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Hoạt động xây lắp		Hoạt động bán hàng		Hoạt động cung cấp dịch vụ khác		Hoạt động thương mại		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	46.252.344,040	48.662.011,826	4.813.179,387	6.205.299,719	473.808,760	663.720,711	23.312.101,605	104.513.427,072	74.851.433,792	160.044.459,327
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	31.009.261,789	40.943.774,761
Tổng tài sản	46.252.344,040	48.662.011,826	4.813.179,387	6.205.299,719	473.808,760	663.720,711	23.312.101,605	104.513.427,072	105.860.695,581	200.988.234,088
Nợ phải trả của bộ phận	6.749.690,756	5.218.151,233	355.851,428	395.851,428	-	-	-	67.997.666,433	7.105.542,184	73.611.669,094
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	97.678.364,210	114.457.621,152
Tổng Nợ phải trả	6.749.690,756	5.218.151,233	355.851,428	395.851,428	-	-	-	67.997.666,433	104.783.906,394	188.069.290,246
Các thông tin khác	Hoạt động xây lắp	Năm 2022	Hoạt động bán hàng	Năm 2022	Hoạt động cung cấp dịch vụ khác	Năm 2022	Hoạt động thương mại	Năm 2022	Tổng cộng	Năm 2022
	Năm 2023	VND	Năm 2023	VND	Năm 2023	VND	Năm 2023	VND	Năm 2023	VND
Chi phí mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.450.697,115	1.305.249,806	189.911,951	153.685,054	-	98.727,044	-	-	1.419.004,625	1.555.340,807
+ Chi phí KH bộ phận	1.229.092,674	1.297.416,445	189.911,951	246.051,730	-	-	-	-	1.419.004,625	1.543.468,175
+ Chi phí KH không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.872,632

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2. Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10
3. Công ty Cổ phần VNECO - RME
4. Công ty Cổ phần Malblue
5. Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12
6. HĐQT và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
 Công ty liên kết với Công ty mẹ
 Công ty cùng công ty mẹ
 Cùng Chủ tịch HĐQT với Công ty mẹ
 Công ty cùng công ty mẹ
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	23.760.000	23.760.000
Cộng - xem thêm mục 4.3	23.760.000	23.760.000
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	35.176.423	-
Cộng - xem thêm mục 4.5	35.176.423	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả người bán		
Ngắn hạn		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	897.414.760	571.398.850
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	503.860.528	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	118.503.762	51.034.975
Dài hạn		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	468.538.130	987.626.099
Cộng - xem thêm mục 4.12	1.988.317.180	1.610.059.924
Người mua trả tiền trước		
Ngắn hạn		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	2.974.548.795	2.204.966.712
Cộng - xem thêm mục 4.13	2.974.548.795	2.204.966.712

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.679.626.774	1.110.539.925
Công ty Cổ phần MALBLUE	-	12.330.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	-	27.925.698
Cộng - xem thêm mục 4.16	1.679.626.774	13.468.465.623

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Công ty Cổ phần MALBLUE	983.669.624	5.700.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.17	983.669.624	5.700.000.000

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.969.476.969	10.127.476.019
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	-	22.000.000
Cộng - xem thêm mục 5.1	2.086.726.969	10.266.726.019

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	507.878.880	-
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	358.195.264	114.677.778
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	62.471.099	927.948.466
Cộng	928.545.243	1.042.626.244

Thanh toán lãi thu xếp vốn		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	131.918.533	182.192.889
Cộng	131.918.533	182.192.889

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Lê Văn Khôi	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Công Diệu	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hóa	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Võ Quang	Trưởng BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hương	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Ngọc Bái	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Công Diệu	Giám đốc	99.213.147	163.674.053
Ông Đỗ Chiến Thắng	Phó Giám đốc	50.885.329	114.647.067
Ông Đặng Phương	Phó Giám đốc	57.063.720	121.294.206
Bà Nguyễn Thị Hóa	Thành viên HĐQT	58.088.448	84.127.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hương	Thành viên BKS	57.647.701	77.819.104
Ông Trần Ngọc Bái	Thành viên BKS	47.815.901	93.988.944

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc theo Hợp đồng thuê đất số 48/HĐ-TĐ ngày 29/01/2007 với UBND tỉnh Đắk Lắk tại địa chỉ Phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 2.479 m²; thời hạn thuê 50 năm, từ ngày 02/11/1996 đến hết ngày 01/11/2046.

Công ty thuê đất để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông ly tâm dự ứng lực theo Hợp đồng thuê lại đất số 26/HĐ-TLĐ ngày 10/12/2007, Phụ lục hợp đồng số 01-26/PLHĐ-TLĐ ngày 17/12/2007 và Phụ lục hợp đồng số 02-26/PLHĐ-TLĐ ngày 05/10/2012 với Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tâm Thắng tại Khu công nghiệp Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 17.150 m²; thời hạn thuê 45 năm, từ ngày 30/12/2007 đến ngày 28/10/2052.

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	164.226.677	270.248.576

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Công Diệu
Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Hữu Đăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Đăng
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 188/BC-VNECO8-TCKT
V/v Giải trình chênh lệch kết quả
kinh doanh năm 2023 so với cùng
kỳ

Buôn Ma Thuột, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8

Mã chứng khoán: VE8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

Điện Thoại: (02623)815336

Fax: (02623)858921

Website: <http://vneco8.com.vn>

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8 xin được giải trình chênh lệch Kết quả kinh doanh tại báo cáo tài chính năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2023 có lợi nhuận sau thuế là : -11.842.154.655 đồng, trong khi kết quả kinh doanh năm 2022 là: -6.784.160.225 đồng. Kết quả kinh doanh lỗ nặng hơn nhiều so với cùng kỳ.

Nguyên nhân:

- Các công trình bị vướng mặt bằng thi công, lợi nhuận sau thuế năm 2022 là số âm nên khó tiếp cận các nguồn vốn vay dẫn đến thiếu vốn. Trong năm qua Công ty chỉ thi công cầm chừng, các khối lượng đã thi công chưa đủ tỷ lệ để thanh toán theo hợp đồng, các công trình bị kéo dài thời gian thi công dẫn đến việc thất thoát vật tư, vật liệu đã tập kết ra công trường làm chi phí giá vốn tăng cao, doanh thu năm 2023 đạt thấp chỉ được hơn 33,92 tỷ đồng so với 239,41 tỷ đồng năm 2022. Trong khi đó các chi phí khác như Chi phí tài chính, chi phí quản lý ... vẫn phải thanh toán.

Với những khó khăn nói trên làm cho tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu trong kỳ thấp hơn nhiều so với kế hoạch đầu thầu của công ty.

Tất cả các yếu tố trên làm kết quả kinh doanh năm 2023 có hiệu quả thấp và lỗ nhiều hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TH, TCKT-Đ(3).

